

Phụ lục 1:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
VĂN HÓA VÀ THỂ THAO NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 215/BC-SVHTTDL ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Tỉ lệ % so với kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tỉ lệ % so với năm 2020	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Thư viện								
1.1	-Tổng số sách trong thư viện	1000 Bản	664	659	99,25	641	102,81	681	
	<i>Trong đó</i> : Sách bổ sung mới	1000 Bản	22	18	81,82	19	94,74	22	
1.2	-Tổng lượt bạn đọc trong năm	1000 Lượt	500	747	149,40	750	99,60	500	
2	Di tích, bảo tồn, bảo tàng								
2.1	-Số di tích được xếp hạng	Di tích	32	31	96,88	29	106,90	35	
	<i>Trong đó</i> : Số di tích được công nhận mới	Di tích	3	2	66,67	4	50,00	4	
2.2	-Tổng số di tích được tu bổ, tôn tạo	Di tích	4	1	25,00	3	33,33	3	
2.3	Tổng số hiện vật trong Bảo tàng tỉnh và Bảo tàng HCM	Hiện vật	10.642	10.654	100,11	10572	100,78	10.704	
	<i>Trong đó</i> : Hiện vật sưu tầm mới		70	82	117,14	80	102,50	50	
3	Thông tin, chiếu bóng (Nhà hát Đam San)								
3.1	-Số buổi phục vụ thông tin lưu động	Buổi	130	60	46,15	110	54,55	130	
3.2	-Chiếu bóng lưu động phục vụ xã, làng vùng sâu vùng	Buổi chiếu	336	64	19,05	220	29,09	336	
4	Nghệ thuật chuyên nghiệp (Nhà hát Đam San)	Buổi	130	45	34,62	113	39,82	130	
4.1	-Số buổi biểu diễn nghệ thuật phục vụ đồng bào ở cơ sở	Buổi	115	39	33,91	100	39,00	115	
4.2	-Số buổi biểu diễn nghệ thuật phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn và nhiệm vụ đột xuất	Buổi	15	6	40,00	13	46,15	15	
5	Nâng cao đời sống văn hóa								
5.1	-Số xã phường có nhà văn hóa, thư viện	Xã, phường, Thị	110	110	100,00	105	104,76	115	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Tỉ lệ % so với kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tỉ lệ % so với năm 2020	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
5.2	-Tỷ lệ gia đình được công nhận GĐVH	%	83,00	80,00	96,39	82	97,56	81,50	
5.3	-Tỷ lệ thôn, làng, TDP được công nhận đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	83,00	83,00	100,00	82	101,22	84,00	
6	Thể dục thể thao								
6.1	Tổng số giải thi đấu tại tỉnh	Giải	20	5	25,00	17	29,41	20	
6.2	Tổng số giải tham gia thi đấu khu vực và toàn quốc	Giải	28	19	67,86	27	70,37	30	
6.3	Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên	%	34,00	33,50	98,53	33	101,52	34,00	
6.4	Tỷ lệ gia đình tham gia tập luyện TDTT thường xuyên	%	26,00	25,50	98,08	25	102,00	26,00	

**Phụ lục 2: BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DU LỊCH
NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 215/BC-SVHTTDL ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Tỉ lệ so với kế hoạch năm 2021 (%)	Tỉ lệ so với năm 2020 (%)	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Doanh thu	Tỷ đồng	420	200	47,62	52,63	500	
2	Lượt khách	Lượt người	700.000	330.000	47,14	41,25	850.000	
<i>Trong đó</i>	<i>Quốc tế</i>	Lượt người	2.400	600	25,00	17,65	3.000	
	<i>Nội địa</i>	Lượt người	697.600	329.400	47,22	41,35	847.000	

**Phụ lục 3: CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 38/QĐ-UBND NGÀY 18/01/2021 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số : 215/BC-SVHTTDL ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai)

Số nhiệm vụ	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện đến 30/10/2020
91	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 01/2021	UBND tỉnh ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/6/2021
92	Chi thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021	UBND tỉnh ban hành Chi thị số 10/CT-UBND ngày 01/6/2021

